

**LUẬN KINH**  
**VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT VẤN BỒ ĐỀ**  
**QUYỂN HẠ**

**Luận:** Đã nói về phần uy lực công đức của Bồ tát, tiếp theo nói về phần hạnh sai biệt của Bồ tát.

**Kinh:** “Lúc bấy giờ trong đại chúng có Thiên tử tên gọi Định Quang Minh Chủ, đạt được tâm bất thối chuyển đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc ấy Thiên tử Định Quang Minh Chủ, thưa hỏi Pháp Vương tử Văn-thù-sư-lợi rằng: Như thế nào là đạo tóm tắt cuối cùng của các đại Bồ tát? Các đại Bồ tát dùng đạo tóm tắt này, nhanh chóng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng? Văn-thù-sư-lợi đáp rằng: Này Thiên tử! Đạo tóm tắt của các Đại Bồ tát có hai loại, các Đại Bồ tát dùng hai đạo này, nhanh chóng đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những gì là hai? Đó là:

1. Đạo phương tiện.
2. Đạo trí tuệ.

Phương tiện là trí biết thấu nhiếp mọi pháp thiện trí tuệ là trí biết như thật về các pháp. Lại nữa, phương tiện là trí quán sát về các chúng sinh, trí tuệ là trí lìa xa các pháp. Lại nữa, phương tiện là trí biết các pháp tương ứng, trí tuệ là trí biết các pháp không tương ứng. Lại nữa, phương tiện là trí quán sát về nhân của đạo, trí tuệ là trí diệt nhân của đạo”.

**Luận:** Đức Thế tôn là Đấng Pháp vương đích thân ở trong Đại chúng, tại sao lại hỏi Văn-thù-sư-lợi? Bởi vì cần phải nêu rõ công đức của các Đại Bồ tát. Đây là vì nghĩa gì? Bởi vì các chúng sinh đối với Bồ tát mà khởi tâm khinh mạn, thì khiến cho họ phát sinh tâm niệm tôn trọng cung kính. Hạnh sai biệt của các Đại Bồ tát có hai loại đạo. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Đạo của nhân thanh tịnh.
2. Đạo của công đức thanh tịnh.

Đạo của nhân thanh tịnh, là nêu rõ nhân thanh tịnh thù thắng. Nhân thanh tịnh thù thắng ấy, dùng bốn loại phát tâm để nói. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Nói về trợ đạo thanh tịnh.
2. Nói về công đức trí đạo.
3. Nói về thật tế chứng đạo.
4. Nói về như thật tu hành đạo.

Đạo của công đức thanh tịnh thì có tám loại. Những gì là tám loại? Đó là:

1. Nhiếp thủ trí giáo hóa tất cả chúng sinh, như kinh nói: “Lại nữa, phương tiện là trí biết thâm nhiếp mọi pháp thiện”.
2. Có năng lực nhẫn chịu các hành bất thiện của tất cả chúng sinh, như kinh nói: “Trí tuệ là trí biết như thật về các pháp”.
3. Quy tập các pháp thanh tịnh, như kinh nói: “Lại nữa, phương tiện là trí quán sát về tất cả chúng sinh”.
4. Quán sát tất cả pháp phần Bồ-đề, như kinh nói: “Trí tuệ là trí lìa xa các pháp”.
5. Biết các pháp là tướng hòa hợp, như kinh nói: “Lại nữa, phương tiện là trí biết các pháp tương ứng”.
6. Biết tướng của các pháp không giống nhau, như kinh nói: “Trí tuệ là trí biết các pháp không tương ứng”. Và lại, trí tuệ là trí biết các pháp không tương ứng, là bởi vì các loại tâm nguyện.
7. Biết đúng như thật về chúng sinh có thể hóa độ, như kinh nói: “Lại nữa, phương tiện là trí quán sát về nhân của đạo”.
8. Quy tập các loại trợ đạo, như kinh nói: “Trí tuệ là trí diệt nhân của đạo”.

Đã nói về phần đạo của công đức thanh tịnh. Tiếp theo nói về đạo của nhân thanh tịnh.

**Kinh:** “Lại nữa, phương tiện là trí biết các pháp sai biệt, trí tuệ là trí biết các pháp không hề sai biệt. Lại nữa, phương tiện là trí trang nghiêm cõi Phật, trí tuệ là trí trang nghiêm cõi Phật bình đẳng không hề sai biệt. Lại nữa, phương tiện là trí phù hợp với các căn hành của chúng sinh, trí tuệ là trí không thấy chúng sinh. Lại nữa, phương tiện là trí có thể đến được đạo tràng, trí tuệ là trí có năng lực chứng được pháp Bồ-đề của hết thấy chư Phật”.

**Luận:** Đạo của nhân thanh tịnh cũng có tám loại. Những gì là tám

loại? Đó là:

1. Quán sát các pháp thiện và bất thiện, như kinh nói: “Lại nữa, phương tiện là trí biết các pháp sai biệt”.

2. Xa lìa các nhân duyên căn bản của tất cả các pháp, như kinh nói: “Trí tuệ là trí biết các pháp không hề sai biệt”.

3. Xa lìa tất cả chướng ngại, như kinh nói: “Lại nữa, phương tiện là trí trang nghiêm cõi Phật”.

4. Đoạn trừ tất cả các tướng hòa hợp, như kinh nói: “Trí tuệ là trí trang nghiêm cõi Phật bình đẳng không hề sai biệt”.

5. Biết đúng như thật, như kinh nói: “Lại nữa, phương tiện là trí phù hợp với các căn hành của chúng sinh”.

6. Hòa vào một pháp môn, như kinh nói: “Trí tuệ là trí không thấy chúng sinh”.

7. Biết đúng như thật tất cả phàm phu đều phân biệt hư vọng, như kinh nói: “Lại nữa, phương tiện là trí có thể đến được đạo tràng”.

8. Chứng được cảnh giới tịch tịnh, như kinh nói: “Trí tuệ là trí có năng lực chứng được pháp Bồ đề của hết thảy chư Phật.”

**Kinh:** “Lại nữa, này Thiên tử! Các Đại Bồ tát lại có hai loại đạo tóm tắt, các đại Bồ tát dùng hai đạo này, nhanh chóng đạt được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Trợ đạo.

2. Đoạn đạo.

Trợ đạo là năm hạnh Ba-la-mật, đoạn đạo là Bát nhĩ Ba-la-mật. Lại có hai loại đạo tóm tắt. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Có trở ngại đến đạo.

2. Không trở ngại đến đạo. Có trở ngại đến đạo là năm hạnh Ba-la-mật, không trở ngại đến đạo là Bát nhĩ Ba-la-mật. Lại có hai loại đạo tóm tắt. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Đạo hữu lậu.

2. Đạo vô lậu.

Đạo hữu lậu là năm hạnh Ba-la-mật, đạo vô lậu là Bát nhĩ Ba-la-mật. Lại có hai loại đạo tóm tắt. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Đạo hữu lượng.

2. Đạo vô lượng.

Đạo hữu lượng là giữ lấy tướng phân biệt, đạo vô lượng thì không giữ lấy tướng phân biệt. Lại có hai loại đạo tóm tắt. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Trí đạo.

## 2. Đoạn đạo.

Trí đạo là từ Địa thứ nhất cho đến địa thứ bảy, đoạn đạo là từ Địa thứ tám cho đến Địa thứ mười”.

**Luận:** Lại có hai loại đạo tóm tắt. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Đạo thuộc công đức.
2. Đạo thuộc trí.

- Đạo thuộc công đức là quy tập các loại thiện căn, như kinh nói: “Trợ đạo là năm hạnh Ba-la-mật”.

- Đạo thuộc trí là thông hiểu tất cả các pháp, như kinh nói: “Đoạn đạo là Bát nhã Ba-la-mật.”

Lại như kinh nói: “Lại có hai loại đạo tóm tắt. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Có trở ngại đến đạo.
2. Không trở ngại đến đạo.

Có trở ngại đến đạo là năm hạnh Ba-la-mật”. Bởi vì hành của ba cõi, đây là từ địa thứ nhất trở về trước. “Không trở ngại đến đạo là Bát nhã Ba-la-mật”. Bởi vì vượt qua ba cõi tiến vào địa thứ nhất chứng được trí tuệ thù thắng.

Lại như kinh nói: “Lại có hai loại đạo tóm tắt. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Đạo hữu lậu.
2. Đạo vô lậu.

Đạo hữu lậu là năm hạnh Ba-la-mật”. Bởi vì thành tựu quả của thế gian, đây là từ địa thứ nhất trở về trước. “Đạo vô lậu là Bát nhã Ba-la-mật”. Bởi vì thành tựu quả của xuất thế gian, đây là đã đạt được trí tuệ xuất thế gian.

Lại như kinh nói: “Lại có hai loại đạo tóm tắt. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Đạo hữu lượng.
2. Đạo vô lượng.

Đạo hữu lượng là giữ lấy tướng phân biệt”. Bởi vì giữ lấy tất cả các cảnh giới của Thức. “Đạo vô lượng là không giữ lấy tướng phân biệt”. Bởi vì vượt qua cảnh của Thức, không giữ lấy tất cả những gì trông thấy.

Lại như kinh nói: “Lại có hai loại đạo tóm tắt. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Trí đạo.
2. Đoạn đạo.

Trí đạo là từ Địa thứ nhất cho đến Địa thứ bảy”. Bởi vì biết đúng như thật về cảnh giới hữu vi. “Đoạn đạo là từ địa thứ tám cho đến Địa thứ mười”. Bởi vì biết đúng như thật về pháp giới vô vi.

**Kinh:** “Lúc bấy giờ trong chúng hội có Đại Bồ tát tên là Dũng Tu Hành Trí, hỏi Pháp vương tử văn-thù-sư-lợi rằng: Thế nào là nghĩa của Đại Bồ tát? Thế nào là trí của Đại Bồ tát? Văn-thù-sư-lợi đáp rằng: Nay người Thiện nam! Nghĩa là không tương ứng, trí gọi là tương ứng. Bồ tát Dũng Tu Hành Trí nói: Thưa văn-thù-sư-lợi! Thế nào là nghĩa gọi là không tương ứng? Thế nào là trí gọi là tương ứng? Văn-thù-sư-lợi: Nay người thiện nam! Nghĩa gọi là vô vi, nghĩa đó không có một pháp nào cùng tương ứng, không có một pháp nào không cùng tương ứng. Tại vì sao? Bởi vì không thay đổi-không có tướng. Nghĩa thì không có một pháp nào cùng tương ứng, không có một pháp nào không cùng tương ứng, bởi vì nghĩa vốn không thành tựu. Vì vậy không có một pháp nào cùng tương ứng, không có một pháp nào không cùng tương ứng. Nghĩa thì không thay đổi-không tăng thêm, không có một pháp nào cùng tương ứng, không có một pháp nào không cùng tương ứng”.

**Luận:** Kinh nói: “Này người thiện nam! Nghĩa gọi là không tương ứng, trí gọi là tương ứng”. Đây là nêu rõ thật tế có bốn loại. Lại như kinh nói: “Này người thiện nam! Nghĩa gọi là vô vi, nghĩa đó không có một pháp nào cùng tương ứng, không có một pháp nào không cùng tương ứng. Tại vì sao? Bởi vì không thay đổi-không có tướng”. Bởi vì xa lìa các lỗi lầm về vô thường. Vì vậy kinh nói: “Nghĩa thì không có một pháp nào cùng tương ứng, không có một pháp nào không cùng tương ứng”. Bởi vì trú trong tánh của tự thể, như kinh nói: “Bởi vì nghĩa vốn không thành tựu”. Vì vậy kinh nói: “Không có một pháp nào cùng tương ứng không có một pháp nào không cùng tương ứng”. Bởi vì chân như pháp giới thường an trú trong thể chân thật. Vì vậy kinh nói: “Nghĩa thì không thay đổi-không tăng thêm, không có một pháp nào cùng tương ứng, không có một pháp nào không cùng tương ứng”. Vả lại, không có một pháp nào-không thay đổi-không tăng thêm, là bởi vì pháp giới vốn không tăng thêm-không giảm bớt.

**Kinh:** “Này thiện nam! Trí thì gọi là đạo, đạo là tâm cùng tương ứng chứ không phải là không tương ứng. Nay người thiện nam! Bởi vì nghĩa này, cho nên trí gọi là tương ứng chứ không phải là không tương ứng. Lại nữa, này người thiện nam! Trí gọi là đoạn tương ứng. Vì vậy cho nên, này người thiện nam! Trí gọi là pháp tương ứng chứ không phải là pháp không tương ứng. Lại nữa, này người thiện nam! Trí gọi là

khéo léo quán sát năm ấm-mười hai nhập-mười tám giới-mười hai nhân duyên-thị xứ phi xứ. Nay người thiện nam! Bởi vì nghĩa này, cho nên trí gọi là tương ứng chứ không phải là không tương ứng”.

**Luận:** Kinh nói: “Nay người thiện nam! Trí thì gọi là đạo, đạo là tâm cùng tương ứng chứ không phải là không tương ứng”. Từ đây trở xuống là tiếp theo nói về sự chứng ngộ pháp giới, có ba loại phân biệt (cú) và sáu loại về mười pháp. Điều này trình bày về nghĩa gì? Dùng trí như thế nào? Sao nói là chứng? Vì nghĩa gì, an trú nơi nào mà có thể chứng được pháp giới? Dùng trí như thế nào? Dùng ba loại phân biệt và sáu loại về mười pháp để nêu rõ. Thế nào là ba loại phân biệt nêu rõ trí như thế nào? Trí thì gọi là đạo, đạo là tâm cùng pháp tương ứng chứ không phải là pháp không tương ứng. Vì vậy kinh nói: “Nay người thiện nam! Bởi vì nghĩa này, cho nên trí gọi là tương ứng chứ không phải là không tương ứng”. Vả lại, trí cùng với quyến thuộc có thể chứng được pháp giới. Tại vì sao? Bởi vì tâm thanh tịnh cho nên đạo thanh tịnh, bởi vì đạo thanh tịnh cho nên tâm thanh tịnh.

Lại như kinh nói: “Lại nữa, nay người thiện nam! Trí gọi là đạo tương ứng. Vì vậy cho nên, nay người thiện nam! Trí gọi là pháp tương ứng chứ không phải là pháp không tương ứng”. Bởi vì lần lượt cùng dựa vào nhau.

Lại như kinh nói: “Lại nữa, nay người thiện nam! Trí gọi là khéo léo quán sát năm ấm-mười hai nhập-mười tám giới-mười hai nhân duyên-thị xứ phi xứ. Nay người thiện nam! Bởi vì nghĩa này, cho nên trí gọi là tương ứng chứ không phải là không tương ứng”. Bởi vì biết đúng như thật về cảnh giới có thể biết được.

Đã nói về ba loại phân biệt. Tiếp theo nói đến sáu loại mười pháp. Thứ nhất nói về mười loại trí.

**Kinh:** “Lại nữa, nay người thiện nam! Các Đại Bồ tát có mười loại trí. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Trí thuộc nhân.
2. Trí thuộc quả.
3. Trí thuộc nghĩa.
4. Trí thuộc phương tiện.
5. Trí thuộc trí tuệ.
6. Trí thuộc thâm nhiếp.
7. Trí thuộc Ba-la-mật.
8. Trí thuộc Đại bi.
9. Trí thuộc giáo hóa chúng sinh.

10. Trí không đấm trước tất cả các pháp. Nay người thiện nam! Đây gọi là mười loại trí của các Đại Bồ tát”.

**Luận:** Kinh nói “Các Đại Bồ tát có mười loại trí. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Trí thuộc nhân. Bởi vì khéo léo biết rõ chủng tử giải thoát từ vô thỉ đến vị lai.

2. Trí thuộc quả, bởi vì biết đúng như thật về các loại nghiệp báo từ vô thỉ đến vị lai.

3. Trí thuộc nghĩa, bởi vì khéo léo biết rõ về tự lợi và lợi tha.

4. Trí thuộc phương tiện, bởi vì có năng lực tăng trưởng thiện căn nhỏ nhoi làm cho trở thành vô lượng.

5. Trí thuộc trí tuệ, bởi vì có năng lực quán sát các pháp thiện và bất thiện.

6. Trí thuộc thâm nhiếp, bởi vì nhiếp thủ hai loại là pháp thí và tài thí.

7. Trí thuộc Ba-la-mật, bởi vì khéo léo biết rõ các loại thiện căn thành tựu.

8. Trí thuộc Đại Bi, bởi vì dựa vào thiện căn có năng lực phát khởi thiện hạnh.

9. Trí thuộc giáo hóa chúng sinh”, bởi vì khéo léo quán sát đúng lúc và không đúng lúc.

10. Trí không đấm trước tất cả các pháp, bởi vì xa lìa hai bên mà tu hành trung đạo. Như kinh nói: “Nay người thiện nam! Đây gọi là mười loại trí của các Đại Bồ tát.

Đã nói phần thứ nhất là mười loại trí. Tiếp theo nói phần thứ hai là mười loại phát khởi.

**Kinh:** “Lại nữa, nay người thiện nam! Các Đại Bồ tát có mười loại phát khởi. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Thân phát khởi, vì muốn khiến cho thân nghiệp của tất cả chúng sinh được thanh tịnh.

2. Miệng phát khởi, vì muốn khiến cho khẩu nghiệp của tất cả chúng sinh thanh tịnh.

3. Ý phát khởi, vì muốn khiến cho ý nghiệp của tất cả chúng sinh được thanh tịnh.

4. Bên trong phát khởi, bởi vì không phân biệt hư vọng đối với tất cả các chúng sinh.

5. Bên ngoài phát khởi, bởi vì thực hành bình đẳng đối với tất cả chúng sinh.

6. Trí phát khởi, bởi vì đầy đủ Phật trí thanh tịnh.

7. Quốc độ thanh tịnh phát khởi, bởi vì nếu rõ tất cả công đức trang nghiêm trong quốc độ chư Phật.

8. Giáo hóa chúng sinh phát khởi, bởi vì biết tất cả các loại thuốc chữa căn bệnh phiền não.

9. Chân thật phát khởi, bởi vì Định tụ thành tựu.

10. Trí vô vi tâm đầy đủ phát khởi, bởi vì không chấp trước tất cả ba cõi. Nay người thiện nam! Đây gọi là mười loại phát khởi của các Đại Bồ tát”.

**Luận:** Kinh nói “Các đại Bồ tát có mười loại phát khởi. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Thân phát khởi, vì muốn khiến cho thân nghiệp của tất cả chúng sinh được thanh tịnh.

2. Miệng phát khởi, vì muốn khiến cho khẩu nghiệp của tất cả chúng sinh thanh tịnh.

3. Ý phát khởi, vì muốn khiến cho ý nghiệp của tất cả chúng sinh được thanh tịnh. Bởi vì làm cho thân-khẩu-ý nghiệp xa lìa tất cả các ác hành phát khởi tinh tiến vô cùng.

4. Bên trong phát khởi, bởi vì giáo hóa tất cả chúng sinh khiến cho học theo điều ấy; “không phân biệt hư vọng đối với tất cả chúng sinh”, bởi vì không chấp trước các pháp

5. Bên ngoài phát khởi, thực hành bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, bởi vì xa lìa tất cả tâm lý yêu-ghét.

6. Trí phát khởi, bởi vì đầy đủ Phật trí thanh tịnh, dùng hạnh bình đẳng giáo hóa tất cả chúng sinh.

7. Quốc độ thanh tịnh phát khởi, bởi vì nêu rõ tất cả công đức trang nghiêm trong quốc độ chư Phật, là dùng trí của Vân Tuệ không sai lạc mà cầu pháp.

8. Giáo hóa chúng sinh phát khởi, bởi vì biết tất cả các loại thuốc chữa căn bệnh phiền não”, là bởi vì ở trong tất cả các pháp môn được tự tại.

9. Chân thật pháp khởi, bởi vì Định tụ thành tựu, là bởi vì tâm biết đúng như thật khiến cho tùy thuận tương ứng mà thuyết pháp.

10. Trí vô vi tâm đầy đủ phát khởi, bởi vì chứng được pháp chân thật; “không chấp trước tất cả cả ba cõi, bởi vì tâm không đắm theo pháp hư vọng. Vả lại, thật hay không thật thì tâm vẫn xa lìa chấp vào tướng hư vọng. Như kinh nói “Nay người thiện nam! Đây gọi là mười loại phát khởi của các Đại Bồ tát”.



Đã nói phần thứ hai là mười loại phát khởi. Tiếp theo nói phần thứ ba là mười loại hành.

**Kinh:** Lại nữa, này người thiện nam! Các đại Bồ tát có mười loại hành. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Hành Ba-la-mật.
2. Hành Nhiếp sự.
3. Hành thuộc tuệ.
4. Hành phương tiện.
5. Hành Đại bi.
6. Hành cầu pháp trí tuệ.
7. Hành cầu pháp trợ trí.
8. Hành thuộc tâm thanh tịnh.
9. Hành quán sát các Đế.
10. Hành không tham trước đối với tất cả mọi điều ưa thích

hay không ưa thích.

Này người thiện nam! Đây gọi là mười loại hành của các Đại Bồ tát.

**Luận:** Kinh nói “Các đại Bồ tát có mười loại hành. Những gì là mười loại? Đó là:

1. “Hành Ba-la-mật”, bởi vì đầy đủ pháp hỗ trợ Bồ đề.
2. “Hành nhiếp sự”, bởi vì có năng lực giáo hóa chúng sinh.
3. “Hành thuộc tuệ”, bởi vì quán sát các pháp sinh diệt đúng như thật.
4. “Hành phương tiện”, bởi vì biết tất cả các pháp đúng như thật.
5. “Hành Đại Bi”, bởi vì tâm không mong cầu chứng đến Niết bàn.
6. “Hành cầu pháp trợ tuệ”, bởi vì giúp cho đạt được bốn pháp vô úy.
7. “Hành cầu pháp trợ trí”, bởi vì giúp cho tự nhiên đạt được tất cả các pháp.
8. “Hành thuộc tâm thanh tịnh”, bởi vì ở trong tất cả các pháp không còn gì nghi hoặc.
9. “Hành quán sát các Đế”, bởi vì tiến vào Đệ nhất nghĩa đế.
- 10 “Hành không tham trước đối với tất cả mọi điều ưa thích hay không ưa thích”.

Như trước đã nói về xa lìa tất cả tâm lý yêu-ghét. Như kinh nói “này người thiện nam! Đây gọi là mười loại hành của các Đại Bồ tát.”

Đã nói về phần trí như thế nào, tiếp theo nói về phần thế nào là

chứng? Thứ tư là nêu rõ về mười một loại quán sát vô tận.

**Kinh:** “Lại nữa, này người thiện nam! Các Đại Bồ tát có mười một loại quán sát vô tận. Những gì là mười một loại? Đó là:

1. Quán sát về thân vô tận.
2. Quán sát về sự về vô tận.
3. Quán sát về phiền não vô tận.
4. Quán sát về pháp vô tận.
5. Quán sát về ái vô tận.
6. Quán sát về kiến vô tận.
7. Quán sát về trợ đạo vô tận.
8. Quán sát về thủ vô tận.
9. Quán sát về không đấm trước vô tận.
10. Quán sát về tương ứng vô tận.
11. Quán sát về đạo tràng trí tánh vô tận.

Này người thiện nam! Đây gọi là mười một loại quán sát vô tận của các Đại Bồ tát.”

**Luận:** Kinh nói “Các Đại Bồ tát có mười một loại quán sát vô tận. Những gì là mười một loại? Đó là:

1. Quán sát về thân hữu vi-vô vi Thánh và chẳng phải Thánh.
2. Quán sát về sự việc vô tận, bởi vì đúng như thật quán sát về nghĩa của thật hay không thật.
3. Quán sát về phiền não vô tận”, bởi vì đúng như thật quán sát về pháp nhiễm tịnh.
4. Quán sát về pháp vô tận, bởi vì đúng như thật quán sát về tất cả các pháp bậc thượng-trung-hạ.
5. Quán sát về ái vô tận, bởi vì đúng như thật quán sát về pháp thiện và bất thiện.
6. Quán sát về kiến vô tận, bởi vì đúng như thật quán sát về các kiến chấp điên đảo-không điên đảo.
7. Quán sát về trợ đạo vô tận, bởi vì đúng như thật quán sát về các loại pháp môn tu tập thiện căn hồi hướng quả vị Đại Bồ đề.
8. Quán sát về thủ vô tận, bởi vì đúng như thật quán sát về cảnh giới của chúng sinh là vô biên.
9. Quán sát về không đấm trước vô tận, nghĩa về không đấm trước, như trước đã nói.
10. Quán sát về tương ứng vô tận, bởi vì đúng như thật quán sát về nghĩa đúng-nghĩa sai.
11. Quán sát về đạo tràng trí tánh vô tận, bởi vì tùy thuận niềm

tin của chúng sinh mà thị hiện an tọa nơi đạo tràng. Như kinh nói “Này người thiện nam! Đây gọi là mười một loại quán sát vô tận của các Đại Bồ tát.”

Đã nói về phần thế nào là chứng, tiếp theo nói về phần bởi vì nghĩa gì? Thứ năm là nêu rõ về mười loại pháp đối trị.

**Kinh:** “Lại nữa, này người thiện nam! Các Đại Bồ tát có mười loại pháp đối trị. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Đối trị tâm keo kiệt tham lam, rười làn mưa bố thí.
2. Đối trị tâm phá giới, dùng pháp thanh tịnh đối với ba nghiệp thân-khẩu-ý.
3. Đối trị tâm sân giận, tu hành Đại Từ Bi thanh tịnh.
4. Đối trị tâm lười nhác, cầu pháp của chư Phật không hề mệt mỏi.
5. Đối trị tâm giác quán bất thiện, đạt được thiền định giải thoát phần khởi vương lên tự tại.
6. Đối trị tâm ngu si, phát sinh pháp phương tiện hỗ trợ dứt khoát cho Định Tuệ.
7. Đối trị các tâm phiền não, phát sinh pháp hỗ trợ đạo.
8. Đối trị đạo điên đảo, quy tập thật đế trợ đạo phát sinh đạo không điên đảo.
9. Đối trị tâm không tự tại, nói pháp đúng lúc-không đúng lúc được tự tại.
10. Đối trị chấp có tướng ngã, quán sát các pháp là không có ngã. Này người thiện nam! Đây gọi là mười loại pháp đối trị của các Đại Bồ tát”.

**Luận:** Kinh nói “Các đại Bồ tát có mười loại pháp đối trị, đây là dùng mười hạnh Ba-la-mật thanh tịnh. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Bố thí Ba-la-mật thanh tịnh, như kinh nói: “Đối trị tâm keo kiệt tham lam, cho nên rười làn mưa bố thí”.
2. Trì giới Ba-la-mật thanh tịnh, như kinh nói: “Đối trị tâm phá giới, cho nên dùng pháp thanh tịnh đối với ba nghiệp thân-khẩu-ý”.
3. Nhẫn nhục Ba-la-mật thanh tịnh, như kinh nói: “Đối trị tâm sân giận, cho nên tu hành Đại Từ Bi thanh tịnh”.
4. Tinh tiến Ba-la-mật thanh tịnh, như kinh nói: “Đối trị tâm lười nhác, cho nên cầu pháp của chư Phật không hề mệt mỏi”.
5. Thiền định Ba-la-mật thanh tịnh, như kinh nói: “Đối trị tâm giác quán bất thiện, cho nên đạt được thiền định giải thoát phần khởi vương lên tự tại”.

6. Bát nhã Ba-la-mật thanh tịnh, như kinh nói: “Đối trị tâm ngu si, cho nên phát sinh pháp phương tiện hỗ trợ dứt khoát cho Định Tuệ”.

7. Phương tiện Ba-la-mật thanh tịnh, như kinh nói: “Đối trị các tâm phiền não, cho nên phát sinh pháp hỗ trợ đạo”.

8. Nguyên Ba-la-mật thanh tịnh, như kinh nói: “Đối trị đạo điên đảo, cho nên quy tập thật tế trợ đạo phát sinh đạo không điên đảo”.

9. Lực Ba-la-mật thanh tịnh, như kinh nói: “Đối trị tâm không tự tại, cho nên nói pháp đúng lúc-không đúng lúc đều được tự tại”.

10. Trí Ba-la-mật thanh tịnh, như kinh nói: “Đối trị chấp có tướng ngã, cho nên quán sát các pháp là không có ngã”. Như kinh nói: “Này người thiện nam! Đây gọi là mười loại pháp đối trị của các đại Bồ tát”.

Đã nói về phần bởi vì nghĩa gì, tiếp theo nói về phần an trú nơi nào? Thứ sáu là nêu rõ về mười nơi chốn tịch tịnh.

**Kinh:** “Lại nữa, này người thiện nam! Các đại Bồ tát có mười loại nơi chốn tịch tịnh. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Thân tịch tịnh, bởi vì xa lìa ba loại-nghiệp bất thiện của thân.

2. Khẩu tịch tịnh, bởi vì thanh tịnh bốn loại nghiệp của miệng.

3. Tâm tịch tịnh, bởi vì xa lìa ba loại ác hành của ý.

4. Nội tâm tịch tịnh, bởi vì không đắm theo tự thân.

5. Cảnh giới bên ngoài tịch tịnh, bởi vì không đắm theo tất cả các pháp.

6. Trí công đức tịch tịnh, bởi vì không chấp vào đạo.

7. Tịch tịnh thù thắng, bởi vì quán sát địa vị bậc Thánh đúng như thật.

8. Đồi vị lai tịch tịnh, bởi vì trợ hạnh của tuệ ở bờ giác ngộ.

9. Những công hạnh làm việc thế gian tịch tịnh, bởi vì không lừa dối tất cả chúng sinh.

10. Không tiếc thân tâm tịch tịnh, bởi vì dùng tâm Đại Từ bi giáo hóa tất cả chúng sinh. Này người thiện nam! Đây gọi là mười loại nơi chốn tịch tịnh của các Đại Bồ tát”.

**Luận:** Kinh nói “Các đại Bồ tát có mười loại nơi chốn tịch tịnh. Những gì là mười loại? Đó là:

1. Thân tịch tịnh, bởi vì xa lìa ba loại nghiệp đạo bất thiện của thân.

2. Khẩu tịch tịnh, bởi vì thanh tịnh bốn loại nghiệp của miệng.

3. Tâm tịch tịnh, bởi vì xa lìa ba loại ác hành của ý. Đây là dùng ba loại giới thiện làm cho thanh tịnh.

4. Nội tâm tịch tịnh, bởi vì không đắm theo tự thân, bởi vì xa lìa ngã kiến tà vạy.

5. Cảnh giới bên ngoài tịch tịnh, bởi vì không đắm theo tất cả các pháp, bởi vì xa lìa pháp thường-vô thường.

6. Trí công đức tịch tịnh, bởi vì không chấp vào đạo, bởi vì không chấp vào có vật hay không có vật.

7. Tịch tịnh thù thắng, bởi vì quán sát địa vị bậc Thánh đúng như thật”, bởi vì không thấy địa vị Thanh văn và Bích chi Phật, quán sát đúng như thật về Thánh địa của chư Phật và Bồ tát.

8. Đời vị lai tịch tịnh, bởi vì trợ hạnh của tuệ ở bờ giác ngộ, bởi vì xa lìa tất cả các tướng chấp thủ hư vọng.

9. Những công hạnh làm việc thế gian tịch tịnh, bởi vì không lừa dối tất cả chúng sinh, bởi vì biết đúng như thật về Thế đế và Đế nhất nghĩa đế, cho nên thuyết pháp không điên đảo.

10. Không tiếc thân tâm tịch tịnh, bởi vì dùng tâm Đại Bi giáo hóa tất cả chúng sinh, bởi vì giáo hóa cho chúng sinh, tất cả mọi nơi sinh ra đều không cảm thấy mệt mỏi vất vả. Như kinh nói: “Này người thiện nam! Đây gọi là mười loại nơi chốn tịch tịnh của các Đại Bồ tát”.

Đã nói về phần chứng ngộ pháp giới. Từ đây trở xuống là nói về nghĩa tùy thuận như thật tu hành của các Đại Bồ tát.

**Kinh:** “Lại nữa, này người thiện nam! Các đại Bồ tát đúng như thật tu hành đạt được Bồ đề, chứ không phải là không đúng như thật tu hành mà đạt được Bồ đề. Này người thiện nam! Thế nào gọi là các đại Bồ tát đúng như thật tu hành? Này người thiện nam! Đúng như thật tu hành là như giáo pháp luôn luôn thực hành; không đúng như thật tu hành, là chỉ có nói năng giảng giải chứ không luôn luôn tu hành đúng như thật.

Lại nữa, này người thiện nam! Các Đại Bồ tát lại có hai loại tu hành đúng như thật. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Trí về đạo tu hành đúng như thật.

2. Đoạn về đạo tu hành đúng như thật. Này người thiện nam! Đây gọi là hai loại tu hành đúng như thật của các đại Bồ tát.

Lại nữa, này người thiện nam! Các đại Bồ tát lại có hai loại tu hành đúng như thật. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Điều phục tự thân tu hành đúng như thật.

2. Giáo hóa chúng sinh tu hành đúng như thật. Này người thiện nam! Đây gọi là hai loại tu hành đúng như thật của các đại Bồ tát.

Lại nữa, này người thiện nam! Các đại Bồ tát lại có hai loại tu

hành đúng như thật. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Trí có công dụng tu hành đúng như thật. Những gì là hai loại?  
Đó là: 1. Trí có công dụng tu hành đúng như thật.

2. Trí không có công dụng tu hành đúng như thật.

Này người thiện nam! Đây gọi là hai loại tu hành đúng như thật của các Đại Bồ tát.

Lại nữa, này người thiện nam! Các đại Bồ tát lại có hai loại tu hành đúng như thật. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Khéo léo biết phân biệt các địa đúng như thật tu hành.

2. Khéo léo biết các địa không hề sai biệt mà phương tiện đúng như thật tu hành. Này người thiện nam! Đây gọi là hai loại tu hành đúng như thật của các Đại Bồ tát.

Lại nữa, này người thiện nam! Các Đại Bồ tát lại có hai loại tu hành đúng như thật. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Xa lìa lỗi lầm của các Địa như thật tu hành.

2. Khéo léo biết từng Địa từng địa thay đổi phương tiện đúng như thật tu hành. Này người thiện nam! Đây gọi là hai loại tu hành đúng như thật của các địa Bồ tát.

Lại nữa, này người thiện nam! Các địa Bồ tát lại có hai loại tu hành đúng như thật. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Có năng lực giảng giải về địa vị Thanh văn và Bích-chi-Phật đúng như thật tu hành.

2. Khéo léo biết phương tiện bất thối chuyển của Bồ đề quả Phật đúng như thật tu hành. Này người thiện nam! Đây gọi là hai loại tu hành đúng như thật của các Đại Bồ tát”.

**Luận:** Kinh nói: “Lại nữa, này người thiện nam! Các Đại Bồ tát đúng như thật tu hành đạt được Bồ đề, chứ không phải là không đúng như thật tu hành mà đạt được Bồ đề. Này người thiện nam! Thế nào gọi là các Đại Bồ tát đúng như thật tu hành? Đúng như thật tu hành là như giáo pháp luôn luôn thực hành; không đúng như thật tu hành, là chỉ có nói năng giảng giải chứ không luôn luôn tu hành đúng như thật”. Đây là bởi vì đúng như giáo pháp luôn luôn tu hành như vậy, không trái với những pháp đã nói trước đây.

Lại như kinh nói: “Lại nữa, này người thiện nam! Các Đại Bồ tát lại có hai loại tu hành đúng như thật. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Trí về đạo tu hành đúng như thật.

2. Đoạn về đạo tu hành đúng như thật. Này người thiện nam! Đây gọi là hai loại tu hành đúng như thật của các Đại Bồ tát”. Bởi vì biết

đúng như thật mà chứng được trí Thanh văn và Bích-chi-Phật, nhưng không giữ lấy nơi đó để làm cứu cánh.

Lại như kinh nói: “Lại nữa, này người thiện nam! Các Đại Bồ tát lại có hai loại tu hành đúng như thật. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Điều phục tự thân tu hành đúng như thật”, đây là bởi vì tự mình chọn lấy đạo vi diệu mà tu hành đúng như thật.

2. Giáo hóa chúng sinh tu hành đúng như thật”, là bởi vì cảm hóa chúng sinh khác khiến cho tiến vào Chánh đạo đúng như thật mà thuyết pháp. Như kinh nói: “Này người thiện nam! Đây gọi là hai loại tu hành đúng như thật của các Đại Bồ tát”.

Lại như kinh nói: “Lại nữa, này người thiện nam! Các Đại Bồ tát lại có hai loại tu hành đúng như thật. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Trí có công dụng tu hành đúng như thật”, đây là bởi vì dấy lên tâm thực hành hạnh Bồ tát có trí làm công dụng.

2. Trí không có công dụng tu hành đúng như thật, đây là Bồ tát trú vào trong sự tu đạo, mà không hề dấy tâm thực hành hạnh Bồ tát cho nên trí thực hành không có sự dụng công. Như kinh nói: “Này người thiện nam! Đây gọi là hai loại tu hành đúng như thật của các Đại Bồ tát”.

Lại như kinh nói: “Lại nữa, này người thiện nam! Các Đại Bồ tát lại có hai loại tu hành đúng như thật. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Khéo léo biết phân biệt các Địa đúng như thật tu hành, bởi vì khéo sử dụng trí tuệ làm phương tiện.

2. Khéo léo biết các Địa không hề sai biệt mà phương tiện đúng như thật tu hành, bởi vì hòa nhập cùng một tướng. Như kinh nói: “Này người thiện nam! Đây gọi là hai loại tu hành đúng như thật của các Đại Bồ tát”.

Lại như kinh nói: “Lại nữa, này người thiện nam! Các Đại Bồ tát lại có hai loại tu hành đúng như thật. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Xa lìa các lỗi lầm của các Địa đúng như thật tu hành”, đây là bởi vì xa lìa hai bên.

2. Khéo léo biết từng Địa thay đổi phương tiện đúng như thật tu hành, đây là tinh tiến tu hành pháp thiện không ngừng nghỉ. Như kinh nói: “Này người thiện nam! Đây gọi là hai loại tu hành đúng như thật của các Đại Bồ tát.”

Lại như kinh nói: “Lại nữa, này người thiện nam! Các Đại Bồ tát lại có hai loại tu hành đúng như thật. Những gì là hai loại? Đó là:

1. Có năng lực giảng giải về địa vị Thanh văn và Bích chi Phật

đúng như thật tu hành”, đây là bởi vì khéo biết rõ tất cả các pháp.

2. Khéo léo biết phương tiện bất thối chuyển của Bồ đề quả Phật đúng như thật tu hành”, đây là dùng phương tiện chứng được pháp Chân như đúng như thật tu hành. Như kinh nói: “Này người thiện nam! Đây gọi là hai loại tu hành đúng như thật của các Đại Bồ tát”.

**Kinh:** “Này người thiện nam! Các đại Bồ tát có vô lượng vô biên cách thức tu hành đúng như thật thuộc loại người; các Đại Bồ tát thuận theo học cách tu hành đúng như thật như vậy; các Đại Bồ tát nếu luôn luôn tu hành đúng như thật như vậy; thì nhanh chóng đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không lấy gì làm khó khăn”.

**Luận:** Bốn loại nhân tố thù thắng của sự tu hành, thành tựu bốn loại quả thù thắng và những cách thức tu hành đúng như thật, đều dựa theo công hạnh đúng đắn như vậy. Quả thù thắng ấy có nghĩa là Như Lai trí, ở trong một niệm biết rõ mọi việc của ba đời, vốn là đều tương ứng.

**Kinh:** “Lúc bấy giờ Đức Phật khen ngợi pháp vương tử văn-thù- sư-lợi rằng: lành thay, lành thay! Này văn-thù-sư-lợi! Nay ông khéo léo có năng lực vì các Đại Bồ tát, giảng giải về đạo nghiệp của mình, đích thực như lời ông đã giảng giải”.

**Luận:** Lành thay, là bởi vì thuyết pháp không điên đảo, vốn dĩ tùy thuận giáo pháp của Như Lai đã thuyết giảng.

**Kinh:** “Lúc giảng giải về pháp này, có mười ngàn Bồ tát đạt được vô sinh pháp nhân. Pháp vương tử văn-thù-sư-lợi cùng tất cả các hàng người-trời-A tu la ở thế gian, nghe Đức Phật thuyết đều vô cùng hoan hỷ tin nhận vâng lời thực hành”.

**Luận:** Có ba loại nghĩa cho nên hoan hỷ. Những gì là ba loại? Đó là:

1. Người thuyết giảng thanh tịnh, bởi vì đối với các pháp luôn luôn được tự tại.

2. Pháp đã thuyết thanh tịnh, bởi vì đúng như thật chứng biết thể của pháp thanh tịnh.

3. Dựa vào pháp đã thuyết mà đạt được quả thanh tịnh, bởi vì đạt được cảnh giới thanh tịnh vi diệu. Như kinh nói: “Đều vô cùng hoan hỷ tin nhận vâng lời thực hành.”

